

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHUYÊN TIẾP LÊN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 869/QĐ-ĐHCT ngày 30 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

Ngành học: **Tài chính – Ngân hàng** (Finance and Banking)

Mã ngành: 7340201

Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 04 năm

Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn: Tài chính – Ngân hàng, Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân Tài chính ngân hàng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức chuyên ngành ngân hàng và những kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Các mục tiêu cụ thể:

- a. Phẩm chất chính trị vững vàng, tư cách đạo đức các nhân và có trách nhiệm đối với xã hội;
- b. Kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội và kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;
- c. Năng lực tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính khác như công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, các quỹ đầu tư tài chính, và dự án đầu tư;
- d. Kỹ năng làm việc chuyên nghiệp trong nhóm cũng như làm việc độc lập trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.
- e. Có khả năng phát triển những kỹ năng cần thiết để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên ngành, và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khôi kiến thức giáo dục đại cương

- a. Có kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin; đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh, có sức khỏe, có kiến thức về giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- c. Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh/tiếng Pháp tương đương trình độ A Quốc gia.
- d. Có kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm cơ bản khác.

2.1.2 Khôi kiến thức cơ sở ngành

- a. Hiểu biết những nguyên lý kinh tế để phân tích và giải thích được các hiện tượng kinh tế;
- b. Vận dụng luật, các chính sách tài chính, tiền tệ và các chính sách liên quan đến các hoạt động kinh doanh.
- c. Có kiến thức cơ bản về thống kê, toán ứng dụng trong kinh doanh, và các công cụ phân tích định lượng trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

2.1.3 Kiến thức chuyên ngành

- a. Có kiến thức một cách hệ thống trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, và các văn bản pháp quy có liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- b. Kiến thức về nguyên lý hoạt động kinh doanh trong ngân hàng và các nghiệp vụ của ngân hàng trung ương và ngân hàng thương mại.
- c. Kiến thức về cách thức quản trị hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại trong môi trường hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.
- d. Hiểu biết và nhận diện rủi ro trong hoạt động tài chính doanh nghiệp

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Giải quyết các vấn đề kinh tế nói chung và lĩnh vực tài chính ngân hàng nói riêng theo đúng quy định pháp luật.
- b. Thực hiện và giám sát các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay trong ngân hàng;
- c. Xây dựng quan hệ với khách hàng.
- d. Thu thập, phân tích, và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của ngân hàng;
- e. Phân tích, giám sát và quản lý hoạt động ngân hàng.
- f. Tự nghiên học hỏi và cứu để nâng cao trình độ chuyên môn.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Giao tiếp, phỏng vấn, thuyết trình.
- b. Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm
- c. Phát hiện và giải quyết vấn đề.
- d. Tư duy sáng tạo trong công việc.
- e. Nhận biết sự tương tác giữa các vấn đề kinh tế - xã hội.
- f. Sắp xếp các vấn đề theo thứ tự ưu tiên để giải quyết vấn đề linh động.
- g. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và ra các quyết định;
- h. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để phục vụ cho giải quyết công việc và nghiên cứu chuyên môn.

2.3 Thái độ

- a. Có phẩm chất chính trị, chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước;
- b. Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên ngân hàng làm việc ở các vị trí giao dịch, kiểm soát, kế toán, chuyên viên tín dụng, chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên kinh doanh ngoại hối, chuyên viên tư vấn đầu tư tài chính tại các ngân hàng thương mại.
- Chuyên viên phân tích và tư vấn làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính.
- Tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh để tạo lập doanh nghiệp cho bản thân;
- Nghiên cứu viên và giảng viên làm việc tại các Viện nghiên cứu về kinh tế - xã hội, các Trường Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, và các đơn vị nghiên cứu.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế và kinh doanh.
- Có khả năng học tiếp các chương trình đào tạo sau đại học trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kinh tế và kinh doanh.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra ngành Tài chính ngân hàng của Học viện Ngân hàng.
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
Khối kiến thức Giáo dục đại cương								
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		10TC nhóm AV hoặc nhóm PV	60		
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45		XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45		XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60		XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45		XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45		XH032
12	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
13	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
14	XH006	Pháp văn căn bản 3 (*)	4			60		XH005
15	FL004	Pháp văn tăng cường 1 (*)	3			45		XH006
16	FL005	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3		45		FL004	
17	FL006	Pháp văn tăng cường 3 (*)	4		60		FL005	
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15		
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60	
20	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
21	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
22	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010
23	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006
24	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
25	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
26	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45		
27	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30		
28	ML007	Logic học đại cương	2		2	30		
29	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30		
30	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30		
31	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30		
32	XH028	Xã hội học đại cương	2			30		
33	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20	
Cộng: 46 TC (Bắt buộc 31 TC; Tự chọn 15 TC)								
Khối kiến thức Cơ sở ngành								
34	KT101	Kinh tế vi mô 1	3	3		45		
35	KT102	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		45		
36	KT108	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	3		45		TN010
37	KT257	Phương pháp nghiên cứu trong Tài chính	2	2		30		KT108
38	KT119	Phương pháp tư duy và kỹ năng giải quyết vấn đề	2	2		30		
39	KT104	Marketing căn bản	3	3		45		
40	KT111	Tài chính - Tiền tệ	3	3		45		
41	KT103	Quản trị học	3	3		45		
42	KT106	Nguyên lý kế toán	3	3		45		
43	KT113	Kinh tế lượng	3	3		45		KT108
44	KT308	Quản trị tài chính	3	3		45		KT111
45	KT405	Lý thuyết bảo hiểm	2	2		30		
46	KL369	Luật kinh tế	2	2		30		
47	KT203	Ứng dụng toán trong kinh doanh	2	2		45		KT105
48	KT210	Tâm lý quản lý	2		4	30		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
49	KT428	Kỹ thuật đàm phán	2			30		
50	KT206	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2			30		
51	KT107	Toán kinh tế 2	2			30		KT105
52	XH007	Tâm lý học đại cương	2			30		
53	KT118	Kinh tế học hành vi	3			45		KT101
54	KT429	Hành vi khách hàng	2			30		
Cộng: 41 TC (Bắt buộc: 37 TC; Tự chọn: 4 TC)								
Khối kiến thức Chuyên ngành								
55	KT249	Kinh tế học ngân hàng	3	3		45		KT101, KT111
56	KT344	Nghiệp vụ ngân hàng	3	3		45		KT111
57	KT354	Quản trị ngân hàng	3	3		45		KT344
58	KT329	Thị trường chứng khoán	3	3		45		KT308
59	KT359	Quản trị rủi ro tài chính	3	3		45		KT308
60	KT330	Thuế	3	3		45		KT106
61	KT393	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	3		45		KT106
62	KT275	Anh văn chuyên ngành Tài chính - Kế toán	3	3		45		
63	KT328	Thanh toán quốc tế	3	3		45		
64	KT262	Thẩm định tín dụng	3	3		45		KT344
65	KT263	Marketing ngân hàng	2	2		30		KT104
66	KT265	Kiến tập ngành ngân hàng	2	2			60	KT257
67	KT309	Tài chính quốc tế	3			45		KT102
68	KT326	Tài chính công	2			30		
69	KT375	Kế toán và khai báo thuế	2			30		KT308
70	KT341	Kế toán tài chính 1	3			45		KT106
71	KT342	Kế toán tài chính 2	3			45		KT106
72	KT374	Kế toán ngân hàng	3			45		KT106
73	KT267	Kiểm toán 1	2		9	30		KT106
74	KT310	Phân tích chính sách kinh tế	3			45		KT101, KT102
75	KT268	Kinh tế nông hộ	3			45		
76	KT269	Định giá tài sản	3			45		KT308
77	KT346	Quản trị chiến lược	3			45		KT103
78	KT431	Hành vi tổ chức	2			30		KT103
79	KT272	Đầu tư tài chính	2			30		KT308
80	KT254	Khởi sự doanh nghiệp	3			45		
81	KT264	Chuyên đề ngân hàng	2				60	KT257
82	KT409	Luận văn tốt nghiệp – TCNH	10				300	≥ 105 TC
83	KT296	Tiểu luận tốt nghiệp – TCNH	4				120	≥ 105 TC
84	KT420	Dự báo kinh tế	3		10	45		KT108
85	KT266	Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp	2			30		
86	KT404	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2			30		KT106
Cộng: 53 TC (Bắt buộc: 32 TC; Tự chọn: 21 TC)								
Tổng: 140 TC (Bắt buộc: 98 TC; Tự chọn: 42 TC)								

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

7. Kế hoạch đào tạo

Chương trình đào tạo chuyển tiếp gồm có 2 giai đoạn.

7.1 Giai đoạn 1

7.1.1 Tổ chức đào tạo: Đào tạo tập trung tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long.

7.1.2 Thời gian đào tạo: 1 năm.

7.1.3 Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết
<i>Học kỳ 1 (12 đến 13 TC)</i>								
1	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30		
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4-3	60		
	XH004	Pháp văn căn bản 1 (*)	3			45		
3	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30		
4	XH028	Xã hội học đại cương	2		2	30		
5	TN033	Tin học căn bản	1	1		15		
6	TN034	TT. Tin học căn bản	2	2			60	
<i>Học kỳ 2 (14 TC)</i>								
7	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009
8	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023
	XH005	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		XH004
9	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45		
10	KT105	Toán kinh tế 1	3	3		45		
11	KT022	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30		

Ghi chú: Sinh viên chọn tích lũy học phần Anh văn căn bản 1 (XH023) hoặc học phần Pháp văn căn bản 1 (XH004)

7.1.4 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 1

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quy định về công tác học vụ của Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT).

Kết thúc thời gian đào tạo giai đoạn 1, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập giai đoạn 1 bao gồm: kết quả học tập học phần, điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy các học phần thuộc CTĐT giai đoạn 1 (theo thang điểm 10 và thang điểm 4) và điểm rèn luyện.

7.2 Giai đoạn 2

7.2.1 Điều kiện chuyển tiếp giai đoạn 2

Điều kiện về kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên khi kết thúc giai đoạn 1 để được xem xét chuyển tiếp vào giai đoạn 2 như sau:

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo (CTĐT) giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,5 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức giáo dục chính quy tại Trường ĐHCT.
- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo giai đoạn 1 đúng thời gian quy định và có điểm trung bình chung tích lũy từ 2,0 điểm trở lên (theo thang điểm 4) thì đủ điều kiện về học tập để được tiếp tục theo học giai đoạn 2 của CTĐT chuyển tiếp trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.
- Sinh viên có điểm trung bình chung tích lũy dưới 2,0 điểm (theo thang điểm 4) thì được tiếp tục theo học CTĐT cao đẳng tại Trường Cao đẳng Cộng đồng (CĐCĐ) Vĩnh Long.
- Sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và không bị xếp loại rèn luyện năm học yếu, kém.

7.2.2 Tổ chức đào tạo

- Đại học hệ chính quy: đào tạo tập trung tại Trường ĐHCT theo quy định đào tạo đối với hình thức giáo dục chính quy của Trường ĐHCT.
- Đại học hệ vừa làm vừa học và đào tạo từ xa: đào tạo tại Trường CĐCD Vĩnh Long theo quy định đào tạo đối với hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của Trường ĐHCT.

7.2.3 Thời gian đào tạo: 3 năm (thời gian tối đa để hoàn thành CTĐT chuyển tiếp là 7 năm).

7.2.4 Chương trình đào tạo: Các học phần chưa tích lũy thuộc CTĐT chuyển tiếp.

7.1.5 Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của giai đoạn 2

Đánh giá kết quả học tập và rèn luyện được thực hiện theo Quy định về công tác học vụ của Trường ĐHCT.

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng kết quả học tập toàn khóa học.

7.1.6 Văn bằng tốt nghiệp

Hoàn thành CTĐT giai đoạn 2 theo đúng quy định đào tạo đại học của Trường ĐHCT, sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp đại học phù hợp với hình thức đào tạo:

- Đào tạo hệ chính quy: Bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy.
- Đào tạo hệ vừa làm vừa học: Bằng tốt nghiệp đại học hệ vừa làm vừa học.
- Đào tạo từ xa: Bằng tốt nghiệp đại học đào tạo từ xa.

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH VÀ ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng

KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA

Võ Thành Danh